

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3-ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:98/2026/HSST

Ngày:22-5-2026

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Đỗ Thị Hồng Quyên**

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông **Tạ Công Minh**

**Ông **Đỗ Thanh Hiền****

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Võ Trương Tấn Thành**-Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 3-Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trinh**- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3-Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

**Họ và tên:** **Lê Quang T** (Tên khác: không), sinh ngày 24/7/1986; tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi đăng ký thường trú: số A Khu phố B, phường C, tỉnh Đồng Tháp. Nơi tạm trú: Nhà trọ Phạm Văn D, ấp A, xã Hội Cư, tỉnh Đồng Tháp. Nơi ở hiện nay: Khu phố A, phường C, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 082086014280; Con ông Lê Văn Q, sinh năm 1969, nghề nghiệp: làm thuê và bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm: 1972 (đã chết). Bị cáo có 03 anh em, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2002; Vợ: Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1984; Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2008 nhỏ nhất sinh năm 2025; Nhân thân: Năm 2013, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, tại bản án số 40/2013/HSST ngày 24/5/2013, chấp hành xong án phạt tù ngày 20/5/2014. Năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tuyên phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, tại bản án số 09/2015/HSST ngày 09/02/2015. Năm 2019 Tòa án nhân dân huyện

Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tuyên phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, tại bản án số 33/2019/HSST ngày 22/10/2019, chấp hành xong án phạt tù ngày 08/02/2023; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 lần. Năm 2015 Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 điều 138, khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, tại bản án số 06/2015/HSST ngày 07/5/2015. Tổng hợp hình phạt với bản án 09/2015/HSST ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang Lê Quang T phải chấp hành 04 năm 06 tháng tù, đã chấp hành xong án phạt tù ngày 16/10/2018, chưa thi hành nghĩa vụ đóng án phí và nộp tiền thu lợi bất chính.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 14/01/2026, chuyển tạm giam từ ngày 17/01/2026, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Khu vực M Công an tỉnh Đ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Cao Đình C, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, G, xã B, tỉnh Vĩnh Long.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 14/01/2026, do không có tiền tiêu xài nên Lê Quang T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác. T đi bộ từ nhà trọ cho thuê thàng tọa lạc Khu phố A, Phường C, tỉnh Đồng Tháp ra Quốc lộ A, đón xe buýt về hướng ngã ba T. Khi đến ngã ba Đ thì xuống xe, đi bộ đến chợ Đ (thuộc ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp) để tìm tài sản của người dân để sơ hở thì lấy trộm. T quan sát nhìn thấy xe mô tô wave màu trắng biển số 71AB-086.43 của anh Cao Đình C, sinh ngày: 10/03/1987, nơi thường trú: ấp A G, xã B, tỉnh Vĩnh Long là tiểu thương buôn bán trong chợ, xe để không người trông coi nên T đi đến lén lút dẫn xe ra khỏi chợ, tiếp tục dẫn vào một hẻm gần đó, dùng tay bứt dây điện của ổ khóa và khởi động xe điều khiển về nhà trọ, dựng xe ngoài sân. T vào phòng trọ số 7 nơi T thuê trọ lấy biển số 66AA-787.90 (biển số này T mua trên mạng trước đó khoảng 10 ngày) gắn vào xe vừa trộm được, rồi dẫn xe vào trong phòng trọ cất giấu, còn biển số 71AB-086.43 T cũng mang vào để ở trong phòng.

Anh C phát hiện bị mất xe thì trình báo công an xã L. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, Công an xã L phối hợp cùng với Công an Phường C, Phòng C1 Công an tỉnh Đ kiểm tra phòng trọ số 7 phát hiện T cùng với vật chứng là

xe mô tô gắn biển số 66AA-787.90 và biển số 71AB-086.43 nên bắt giữ T làm việc.

**\* Kết luận định giá tài sản** số 03/KL-HĐĐGTS ngày 15/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản xã L, tỉnh Đồng Tháp kết luận: “01 (một) xe mô tô hai bánh biển kiểm soát: 71AB-086.43; số khung: RLHJA3931RY221704, số máy: JA70E0614923; nhãn hiệu: HONDA WAVE ANPHA, màu sơn: Trắng, có giá trị là 14.500.000 đồng”.

**\* Kết luận giám định** số 411/KL-KTHS ngày 10/3/2026 của Phòng C1 Công an tỉnh Đ kết luận: Biển số cần giám định 66AA-787.90 so với biển số mẫu so sánh 66AA-787.84, 66AA-788.03 không được dập ra từ cùng một khuôn.

**\* Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

**\* Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** không.

Sự việc T đặt mua biển số 66AA-787.90 trên mạng xã hội, khi gắn vào xe trộm được nhưng chưa đưa xe vào lưu thông nên không xem xét T về hành vi “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKSNDTP-KV ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Lê Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Quang T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: điểm g Khoản 2 Điều 173; Điều 32; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo **Lê Quang T** từ **02 năm 06 tháng đến 03 năm** tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy: quần áo, nón bảo hiểm, biển số 66AA-787.90.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Đồng Tháp truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thể hiện.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận thấy mình có lỗi, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo hứa sẽ không tái phạm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo lo cho vợ con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Đồng Tháp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử và vẫn đảm bảo quyền lợi hợp pháp của họ. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo xác định: Khoảng 06 giờ 40 phút ngày 14/01/2026 tại ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp, Lê Quang T đã có hành vi trộm cắp tài sản là xe mô tô wave màu trắng biển số 71AB-086.43 của anh Cao Đình C, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 14.500.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng), phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng được thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có đầy đủ

năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi của bị cáo làm mất an ninh trật tự, gây hoang mang cho người dân sinh sống tại địa phương, nên cần có mức án thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng, đồ vật được tạm giữ, xử lý như sau:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ các quần áo, nón bảo hiểm do không còn giá trị sử dụng, bị cáo không có yêu cầu nhận lại, đối với biển số 66AA-787.90, tịch thu tiêu huỷ do liên quan hành vi phạm tội.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Lê Quang T** (tên gọi khác không) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

### 1. Về hình phạt:

Căn cứ:

- Điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 32; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Quang T** (tên gọi khác không) 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ 14/01/2026.

**2. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (Một) biển số 66AA-787.90; 01 (Một) áo khoác màu nâu dài tay; 01 (Một) áo thun ngắn tay màu đen có chữ Nike màu trắng; 01 (Một) quần dài thun màu đen; 01 (Một) đôi dép bằng nhựa màu đen; 01 (Một) nón bảo hiểm màu xanh có hai sọc màu vàng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/5/2026 của Phòng Thi hành dân sự khu vực 3-Đồng Tháp)

**3. Về án phí:** Căn cứ: khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Quang T phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cơ quan điều tra tỉnh Đồng Tháp;
- Trại tạm giam công an tỉnh Đồng Tháp;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3-ĐT;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Sở tư pháp tỉnh ĐT, UBND xã (khi án có HLPL);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Hồng Quyên**

